

Bản án số: **343/2019/HS-PT**

Ngày: 01/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Tuấn

Ông Nguyễn Cường

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 256/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

I. Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Đức Đ (Tên gọi khác: Nguyễn Thanh M). Giới tính: Nam. Sinh ngày: 12/4/1971 tại: Bình Định. Nơi cư trú: 59 Lý Chính Thắng, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn M (Đã chết); Con bà: Hồ Thị B (Đã chết). Gia đình có 10 anh em, bị cáo là con thứ 9 trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, nghề nghiệp: Giáo viên; Có 01 con, sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2018. Có mặt.

2. Trần Trường G. Giới tính: Nam. Sinh ngày 03/01/1972 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Tạm trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Trần Đức T5 (Đã chết); Con bà: Đặng Thị V, sinh năm 1942, làm nông sống ở quê Quảng Bình. Gia đình có 05 bà em, bị cáo là con thứ 3. Có vợ là Nguyễn Thị V (Đã ly hôn năm 2010), có 02 con (sinh năm 1993 và 1998). Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 29/10/2018. Có mặt.

II. Những người tham gia tố tụng khác:

1. Người bào chữa:

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ:* Ông **Lê Đình Q**, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Trường G:* Ông **Huỳnh Văn K**, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Vắng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1958, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Vương Đình T5; sinh năm: 1961, trú tại: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Trần Quý T1; sinh năm: 1961, trú tại: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Mai Văn V; sinh năm: 1965, trú tại: Tổ 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Nguyễn Văn T2; sinh năm: 1963, trú tại: Thôn A, xã A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đức N; sinh năm: 1956, trú tại: Số 75, đường H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Bà Phạm Thị Mỹ N; sinh năm: 1989, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Bà Trần Thị H; sinh năm 1982, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Bà Ngô Thị T5; sinh năm 1970, trú tại: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Vương Văn H; sinh năm 1966, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Trần Đức P; sinh năm: 1971, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Ngô Thiện T3; sinh năm: 1953, trú tại: Tổ 2, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Phạm Văn K; sinh năm: 1962, trú tại: thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm: 1967, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Bà Đinh Thị H2; sinh năm: 1968, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Đinh Quang P; sinh năm: 1980, trú tại: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Dương P1; sinh năm 1965, trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Lưu Thị T4; sinh năm: 1971, trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Lê Thị T5; sinh năm: 1986, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông K; sinh năm: 1981, trú tại: huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông N; sinh năm: 1985, trú tại: huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Lê Sĩ K1; sinh năm: 1964, trú tại: Tổ 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Dương Văn V; sinh năm: 1963, trú tại: tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Nguyễn Văn T5; sinh năm: 1990, trú tại: tỉnh Gia Lai. Vắng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S; sinh năm 1961. Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Nguyễn Đình M1, sinh năm 1963. Trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Tạ Văn T7, sinh năm 1969. Trú tại: tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ông Bùi Xuân N2. Trú tại: thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Do muốn hưởng lợi bất chính nên Đ đã tung tin sai sự thật về bản thân, Đ đưa ra thông tin giả là Đ công tác tại Sở Nội vụ có khả năng xin việc làm, xin luân chuyển công tác cho nhiều người, để người khác tin tưởng giao tiền nhờ xin việc để Đ chiếm đoạt. Đối với Trần Trường G, vì cũng muốn dễ dàng hưởng lợi nên đã chủ động tìm gặp Đ để liên hệ, trao đổi giá cả xin việc, tìm người có nhu cầu xin việc và nhận tiền xin việc về đưa cho Đ, để hưởng tiền chênh lệch.

Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến tháng 4/2017, Nguyễn Đức Đ (*tên gọi khác Nguyễn Thanh M*) và Trần Trường G đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của nhiều người bằng hình thức là G liên hệ tìm người có nhu cầu xin việc làm, G giới thiệu G có quen biết với “sếp” M (*tức Đ*), tùy vào từng bị hại mà G giới thiệu M (*Đ*) công tác tại từng nơi khác nhau, như: Sở Nội vụ tỉnh, Phó giám đốc Sở Y tế, Tỉnh ủy Gia Lai, Phó phòng giáo dục thành phố P, thành viên hội đồng thi xét tuyển công chức tỉnh... có khả năng xin vào được biên chế các việc làm như giáo viên, y bác sĩ, luân chuyển công tác tại địa bàn thành phố P và các huyện, thị xã trong tỉnh Gia Lai với số tiền từ 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) đến 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*)/người; nhưng yêu cầu đưa trước số tiền từ 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) đến 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)/người để lo xin việc, khi có quyết định chính thức thì

sẽ giao đủ số tiền còn lại, không xin được thì hoàn trả lại tiền; làm cho nhiều người tin tưởng vào lời nói của Đ và G là thật, nên đã giao tiền cho Đ và G để xin việc làm. Từ thủ đoạn gian dối trên, Đ và G đã chiếm đoạt của 24 cá nhân với tổng số tiền là 1.988.000.000đ (*Một tỷ, chín trăm, tám mươi tám triệu đồng*). Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trường hợp của bà Nguyễn Thị M (*Sinh năm: 1958, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai*) số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5/2014, Trần Trường G làm quen với bà Nguyễn Thị S (*Sinh năm: 1961, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai*) và G nói với bà S là G có mối quan hệ với Nguyễn Đức Đ (tức Nguyễn Thanh M) là Phó phòng của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai, Đ có khả năng xin được việc làm cho nhiều người, nếu bà S biết ai có nhu cầu xin việc làm thì giới thiệu để G xin cho. Khi bà S hỏi M đã xin được việc cho ai chưa thì G nói ông M đã xin được việc cho nhiều người rồi, thì bà S tin lời G nói là thật nên đồng ý tìm người cho G.

Tháng 7/2014, thông qua bà Nguyễn Thị S giới thiệu, Trần Trường G biết bà Nguyễn Thị M có nhu cầu xin việc cho con gái là Đỗ Thị Ngọc D nên Trần Trường G đến nhà, tự giới thiệu có quen biết với Nguyễn Thanh M (tức Nguyễn Đức Đ) làm Phó phòng giáo dục thành phố P, có khả năng xin được việc làm, sẽ xin được cho con bà M vào biên chế, làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện K với chi phí là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nên bà M đồng ý. Tuy nhiên, bà M khai, do chưa thực sự an tâm, nên bà M yêu cầu G đưa bà đến gặp trực tiếp Đ.

Ngày 25/8/2014, Trần Trường G đưa bà M đến nhà Nguyễn Đức Đ. Tại đây, bà M muốn kiểm tra lại lời G nói về việc Đ là Phó phòng giáo dục thành phố P là có đúng hay không, nên bà M hỏi Đ “Chú làm phòng giáo dục công việc có bận lắm không?”, thì Đ trả lời “Tôi cũng bận rộn lắm, họp hành bận rộn liên tục, ít khi về nhà” thì bà M tin tưởng Đ làm Phó phòng giáo dục thành phố P nên đã đưa cho Đ số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Nguyễn Đức Đ viết, ký giấy biên nhận tiền đưa cho bà M giữ và hẹn đến cuối năm sẽ có Quyết định tuyển dụng cho Đỗ Thị Ngọc D đi làm và khi có quyết định thì bà M phải giao thêm số tiền 50 triệu đồng còn lại.

G khai, sau khi bà M và bà D ra về thì G được Đ cho 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và G phải viết giấy nhận tiền đưa Đ giữ, nội dung: Nhận tiền để lo việc.

Sau khi nhận tiền, Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G không xin việc cho con bà M như hứa hẹn nên bà M nhiều lần yêu cầu trả lại tiền. Đầu tháng 4/2017, bà M nói với Đ là bà đã xin cho con bà vào làm việc ở Công an huyện K rồi, nếu Đ không trả lại tiền thì bà sẽ kiện. Đến ngày 18/4/2017, Nguyễn Đức Đ đã trả lại cho bà M 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và yêu cầu bà M đưa lại Giấy biên nhận 150 triệu đồng trước đó để Đ hủy bỏ. Số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) còn lại Đ viết lại “Giấy vay tiền” đề ngày 18/4/2017, nội dung “Tôi Nguyễn Thanh M vay của bà M 50 triệu. Hẹn 30/4/2017 sẽ trả đủ” đưa bà M giữ. Sau đó, Bà M

hiều lần đòi tiền nhưng Đ không trả nên ngày 16/10/2017, bà M đã làm đơn tố cáo Nguyễn Đức Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đề nghị Cơ quan điều tra, làm rõ. Bà M giao nộp: 01 (Một) “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 18/04/2017.

Đến ngày 31/10/2017, Nguyễn Đức Đ đến Cơ quan điều tra giao nộp 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để khắc phục cho bà M. Cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ số tiền trên. Đến tháng 12/2017, Nguyễn Đức Đ đã trả cho bà M 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Bà M yêu cầu được trả lại số tiền 20 triệu đồng mà Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ 2: Trường hợp của Ông Vương Đình T5 (*Sinh năm: 1961, trú tại: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) như sau:

Tháng 7/2014, thông qua bà Nguyễn Thị S giới thiệu, ông Vương Đình T5 đã liên hệ với Trần Trường G để nhờ xin việc cho con gái là Vương Thị L vào dạy học trường Trung học cơ sở tại huyện K. Trần Trường G nói với ông T5 là G quen ông M làm ở Sở Nội vụ tỉnh, hứa hẹn xin cho bà L vào biên chế giáo viên trường Trung học cơ sở tại huyện K với giá 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*), yêu cầu đưa trước 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), khi nào có quyết định đi làm thì đưa đủ số tiền còn lại. Do tin tưởng lời nói của G là thật nên ông T5 đồng ý.

Ngày 30/8/2014, ông T5 chở con gái của ông T5 cùng ông Trần Quý T1 (*cũng là bị hại trong vụ án này*) chở con gái ông T1 đến thành phố P để G đưa họ đến nhà Nguyễn Đức Đ ở thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây, G giới thiệu Đ là sếp M làm ở Sở Nội vụ tỉnh. Sau khi trao đổi nội dung xin việc, G hỏi Đ: “Tình hình như vậy sếp xem có giúp được không?”. Đ nói “Nhất trí thôi” nên ông T5 tin tưởng và đã đưa cho G số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), G nhận tiền đưa cho Nguyễn Đức Đ, rồi viết Giấy biên nhận đề ngày 30/8/2014, G ký nhận, còn Đ ký và viết tên Nguyễn Thanh M vào mục Người làm chứng rồi đưa cho ông T5 giữ. (*BL số 220: Giấy biên nhận*). Kết luận giám định xác định chữ viết Người làm chứng và chữ viết Nguyễn Thanh M trong Giấy biên nhận trên là chữ viết của Nguyễn Đức Đ.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G không xin việc như hứa hẹn, ông T5 nhiều lần đòi lại tiền, nhưng G và Đ cứ hứa hẹn là yên tâm sẽ xin được việc.

Đến ngày 19/9/2016, G yêu cầu đưa thêm tiền để làm hồ sơ nên ông T5 đưa thêm 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Sau thời gian dài không thấy G và Đ xin việc cho con, cũng không trả lại tiền nên ngày 11/9/2017, ông Vương Đình T5 đã có đơn tố cáo yêu cầu xử lý Đ và G theo pháp luật và yêu cầu G và Đ trả lại số tiền 90 triệu đồng cho ông.

Trần Trường G thừa nhận lời khai của ông T5 là đúng. G khai G đã đưa lại cho Đ số tiền 80 triệu đồng tại nhà Đ vào ngày 30/8/2014 nhưng không có biên

nhận. Còn số tiền 10 triệu đồng G nhận sau thì G đã tiêu xài hết. Còn Nguyễn Đức Đ hoàn toàn không thừa nhận việc này.

Vụ thứ 3: Trường hợp của ông Trần Quý T1 (*Sinh năm: 1961, trú tại: Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*):

Tháng 7/2014, thông qua bà Nguyễn Thị S giới thiệu nên ông Trần Quý T1 đã liên hệ với Trần Trường G để nhờ G xin việc cho con gái là Trần Thị D vào biên chế ngành giáo dục. Trần Trường G giới thiệu với ông T1 là G quen biết ông M, làm ở Sở Nội vụ tỉnh, hứa hẹn xin được vào biên chế dạy học ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện C cho con gái ông, chi phí là 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*), đưa trước 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), nếu không xin được thì sẽ hoàn trả lại. Do vậy, ông T1 đã tin tưởng và đồng ý.

Ngày 30/8/2014, ông T1 cùng ông Vương Đình T5 và hai người con của 2 ông được Trần Trường G đưa đến nhà Nguyễn Đức Đ. Tại đây, ông T1 đã đưa cho G số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), G viết, ký nhận giấy biên nhận tiền, Đ ký vào mục người làm chứng rồi G đưa số tiền trên cho Nguyễn Đức Đ. Ông T5 khai đã thất lạc giấy biên nhận này.

Ngày 21/9/2016, G yêu cầu đưa thêm 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để làm hồ sơ, G nhận tiền nhưng không viết biên nhận. G khai đã tiêu xài hết số tiền 20 triệu này. Ngày 30/8/2017, ông T1, ông Vương Đình T5 và thêm 2 bị hại cũng trong vụ án này là Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn T2 đến nhà G đòi tiền thì G viết chung 1 Giấy biên nhận, trong đó thừa nhận đã nhận của ông T1 số tiền 100 triệu đồng như trên.

Sau đó, ông T5 và ông T1 còn ra nhà mời Đ đi nhậu 02 lần nữa để đôn đốc xin việc .

Do nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng Đ và G không trả nên ngày 11/9/2017, ông Trần Quý T1 đã có đơn tố cáo G và Đ và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt 100 triệu đồng.

Trần Trường G thừa nhận như lời khai của bị hại T1. Nguyễn Đức Đ hoàn toàn phủ nhận việc gặp gỡ, thỏa thuận, hứa hẹn, nhận tiền các bị hại T5 và T1.

Vụ thứ 4: Trường hợp của ông Mai Văn V (*Sinh năm: 1965, trú tại: tổ 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Tháng 10/2014, cũng thông qua bà Nguyễn Thị S giới thiệu nên ông Mai Văn V đã xin số điện thoại liên hệ và gặp G để đặt vấn đề nhờ xin việc cho con gái là Mai Thị Thu H vào làm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai. Trần Trường G nói có quen biết với ông M làm ở Sở Nội vụ tỉnh, xin được việc với chi phí là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), yêu cầu đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Tin là thật nên ông V đồng ý.

Ngày 21/11/2014, ông Mai Văn V được Trần Trường G đưa đến nhà Nguyễn Đức Đ. Tại đây, ông V đã giao cho G số tiền 100.000.000đ (*Một trăm*

triệu đồng). G viết giấy biên nhận tiền đề ngày 21/11/2014, Đ ký tên và viết người làm chứng là Ng. Thanh M rồi giao giấy cho ông V giữ và giao lại tiền cho Nguyễn Đức Đ.

Nhưng sau khi nhận tiền, Đ và G không xin việc như hứa hẹn và cũng không hoàn trả lại tiền nên ngày 08/9/2017, ông Mai Văn V đã có đơn tố cáo Đ và G về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt. Kết luận giám định xác định các chữ Người làm chứng và Ng. Thanh M là chữ viết của Nguyễn Đức Đ.

Trần Trường G thừa nhận hành vi như lời khai của bị hại; Nguyễn Đức Đ khai hoàn toàn không biết ông V, không hứa hẹn xin việc, không nhận tiền, chữ viết trong Giấy biên nhận không phải của Đ.

Vụ thứ 5: Trường hợp của ông Nguyễn Văn T2 (Sinh năm: 1963, trú tại: Thôn A, xã A, thị xã A) bị chiếm đoạt số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Khoảng đầu tháng 11/2014, qua nắm bắt thông tin, Trần Trường G biết được ông Nguyễn Văn T2 đang có nhu cầu xin việc cho con là Nguyễn Thị H tốt nghiệp chuyên ngành điều dưỡng từ năm 2013 nhưng chưa có việc làm nên G xin số điện thoại và chủ động điện cho ông T2 để đặt vấn đề xin việc cho con ông T2. Theo lời hẹn của Trần Trường G, ông Nguyễn Văn T2 lên thành phố P gặp G để hỏi xin việc cho con là Nguyễn Thị H vào làm điều dưỡng tại Trung tâm Y tế thị xã A. Qua trao đổi, G giới thiệu có Sếp là ông M làm ở Sở Y tế tỉnh, xin được việc cho con ông vào làm tại Trung tâm y tế huyện A hoặc Đ, chi phí là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tin là thật nên ông T2 đồng ý.

Ngày 12/12/2014, ông T2 được Trần Trường G đưa đến nhà Nguyễn Đức Đ. Tại đây, ông T2 đưa cho G số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), G viết giấy biên nhận tiền rồi đưa giấy cho ông T2 giữ. Ông T2 khai, thấy G nhận tiền xong thì đưa cho Đ.

Đến khoảng 10 ngày sau, G yêu cầu ông T2 đưa thêm 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nữa và G tiêu xài hết số tiền 05 triệu này.

Do G và Đ không xin việc mà cũng không trả lại tiền nên ngày 11/9/2017, ông Nguyễn Văn T2 đã có đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt 55 triệu đồng.

G thừa nhận như ông T2 khai. Đ phủ nhận hoàn toàn.

Vụ thứ 6: Trường hợp của ông Nguyễn Đức N (Sinh năm: 1956, trú tại: Số 75 H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai), bị chiếm đoạt số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Năm 2014, thông qua ông Tạ Văn T7 (trú tại: tỉnh Gia Lai) giới thiệu có quen biết với Trần Trường G có khả năng xin được việc làm cho người có nhu cầu nên ông N có nhờ ông T7 liên hệ với G để xin cho con trai của ông N là Nguyễn Đức T5 vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai hoặc C. Ông T7 liên hệ với G và G

đưa ra giá tiền xin việc là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Ông Nguyễn Đức N đồng ý.

Đến ngày 24/12/2014, ông N đã giao cho Tạ Văn T7 số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), ông T7 viết Giấy biên nhận tiền và hẹn trong vòng 1 tháng không xin được việc thì trả lại tiền rồi giao giấy này cho ông N giữ.

Sau khi nhận tiền, ông T7 đã đưa cho Trần Trường G 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). G viết, ký nhận giấy biên nhận tiền với Tạ Văn T7, còn lại 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), ông T7 cất giữ, tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 01/2015, ông Nguyễn Đức N gặp Trần Trường G để hỏi kết quả xin việc cho con thì G nói đang nhờ ông M là Phó Giám đốc Sở Y tế xin việc cho con ông N. Tuy nhiên, do chờ quá lâu mà không thấy xin được việc làm như hứa hẹn và không hoàn trả lại tiền nên ngày 11/9/2017, ông Nguyễn Đức N đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ (M) có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra để điều tra.

G thừa nhận hành vi trên, G khai sau khi nhận tiền 80 triệu, G đưa cho Đ 70 triệu đồng, G giữ lại 10 triệu đồng tiêu xài, nhưng việc giao tiền cho Đ không có chứng từ, không có ai chứng kiến. Đ phủ nhận hoàn toàn.

Đối với số tiền 20 triệu đồng ông Tạ Văn T7 giữ lại như trên thì ngày 08/01/2019, ông T7 đã trả lại cho ông N. Tạ Văn T7 giao nộp “GIẤY BIÊN NHẬN” đề ngày 23/12/2014 và “GIẤY BIÊN NHẬN” đề ngày 24/12/2014 mà G đã viết và giao cho ông T7.

*** Thông qua ông Nguyễn Đình M1 (Sinh năm 1963, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai), Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ đã chiếm đoạt của 05 bị hại với tổng số tiền là 410 triệu đồng như sau:**

Năm 2015, thông qua người quen, biết được Trần Trường G đang xin việc cho nhiều người nên ông M1 gặp để hỏi xin việc thì được Trần Trường G giới thiệu có quen biết ông Nguyễn Đức Đ (M) làm chuyên viên ở Sở Nội vụ tỉnh, xin được việc vào giáo viên, xin chuyển trường... với số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*)/trường hợp, đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), nếu có ai xin việc thì giới thiệu để G xin cho. G hứa mỗi trường hợp ông M1 giới thiệu sẽ cho ông M1 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Ông M1 được G đưa đến gặp Đ nhiều lần, Đ cũng hứa hẹn xin được việc nên ông M1 tin tưởng và đã liên hệ với các cá nhân sau để xin việc cho họ, nhận tiền của các bị hại giao lại cho Đ và G, nhằm hưởng lợi. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 7: Trường hợp của bà Phạm Thị Mỹ N (Sinh năm: 1989, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) bị chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Tháng 8/2015, khi được người khác giới thiệu ông Nguyễn Đình M1 có khả năng nhờ được người khác xin việc làm thì bà Phạm Thị Mỹ N cùng chồng là Nguyễn Văn H liên hệ gặp ông M1 và được ông M1 đưa đến gặp Trần Trường G để nhờ xin vào biên chế giáo viên cấp II tại thành phố P. Trần Trường G hứa hẹn

xin được với số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), đưa trước 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tin tưởng là thật nên bà N đồng ý.

Ngày 08/8/2015, ông Nguyễn Văn H đã giao cho G 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), G viết, ký nhận giấy biên nhận tiền đề ngày 08/8/2015. Nội dung: nhận tiền để xin việc. Nguyễn Đình M1 ký làm chứng. Hẹn đến ngày 24/9/2015 sẽ có quyết định.

Tuy nhiên, sau đó Trần Trường G không xin được việc làm như hứa hẹn và không trả lại tiền nên ngày 11/10/2017, bà N đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đình M1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giao nộp: 01 (Một) “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 08/8/20015 và 01 (Một) “GIẤY XÁC NHẬN” đề ngày 24/9/2016.

Trần Trường G thừa nhận như trên. G khai, sau khi nhận tiền, chiều cùng ngày G chở Lê Thị L (là người chung sống như vợ chồng với G từ năm 2016) đến nhà Đ và giao hết số tiền 100 triệu đồng cho Đ nhưng không có chứng từ gì. Bà L cũng xác nhận có chứng kiến việc này, nhưng không rõ cụ thể tiền gì. Nguyễn Đức Đ không thừa nhận .

Vụ thứ 8: Trường hợp của bà Trần Thị H (Sinh năm 1982, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) bị chiếm đoạt số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Do có quan hệ quen biết từ trước, nghe thông tin ông Nguyễn Đình M1 đang xin việc cho một số cá nhân nên khoảng tháng 3/2016, bà Trần Thị H đã gặp, nhờ ông Nguyễn Đình M1 xin chuyển công tác cho bà H, đang là giáo viên huyện Đ về thành phố P. Ông M1 nói sẽ xin chuyển trường được cho bà H với số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), đưa trước 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà H đồng ý và đưa cho ông M1 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông M1 viết, ký nhận giấy biên nhận tiền đưa cho bà H.

Sau khi nhận tiền, ông M1 đã đưa cho Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) để nhờ xin chuyển trường cho bà H, còn 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông M1 giữ lại tiêu xài cá nhân. Việc giao nhận tiền giữa các bên không có chứng từ gì.

Đến tháng 9/2016, bà Phan Thị A (là bạn bà H) nhờ bà H xin cho con gái của bà A vào biên chế giáo viên tiểu học tại huyện Đ. Bà H trao đổi với ông M1 thì ông M1 nói giá 150 triệu, đưa trước 70 triệu đồng. Bà H nói lại thì bà A đồng ý đưa bà H 70 triệu đồng để xin việc giúp con bà A. Bà H đưa cho ông M1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để xin việc cho con bà A và giữ lại 20 triệu đồng.

Sau khi nhận tiền này, ông M1 đã đưa cho Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để nhờ xin việc cho con gái bà A. Còn lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông M1 giữ tiêu xài. Việc giao nhận tiền giữa các bên không có chứng từ gì.

Do không xin được việc như hứa hẹn, bà H nhiều lần đòi tiền nên đến tháng 6/2017, Trần Trường G đã đưa lại cho ông M1 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để trả cho bà H. Ông M1 đã trả cho bà Trần Thị H số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), còn lại 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) đến nay chưa trả.

Do không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền nên ngày 13/01/2019, bà H có đơn tố cáo Nguyễn Đình M1 và đối tượng có liên quan đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật. Yêu cầu ông M1 và các bị can hoàn trả lại số tiền 80 triệu đồng còn lại.

Đối với bà Phan Thị A: Bà H đã trả lại cho bà A 55 triệu đồng, còn lại 15 triệu đồng đến nay chưa trả. Bà A khai do biết bà H bị người khác lừa nên không có yêu cầu gì, để đôi bên tự giải quyết số tiền 15 triệu đồng còn lại.

Vụ thứ 9: Trường hợp của bà Ngô Thị T5 (*Sinh năm 1970, trú tại: tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Tháng 4/2016, biết ông Nguyễn Đình M1 đang xin việc cho một số cá nhân nên bà Ngô Thị T5 đã đến gặp ông M1, nhờ xin vào biên chế giáo viên cho con là Nguyễn Thị Hồng B. Ông M1 nói sẽ xin được vào biên chế giáo viên cấp II tại huyện C hoặc P, chi phí 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nếu không xin được thì sẽ trả lại tiền, bà T5 đồng ý.

Ngày 17/4/2016, ông Nguyễn Thành B (chồng của bà T5) đưa cho ông M1 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), ông M1 viết, ký nhận giấy vay tiền.

Sau khi nhận tiền, ông M1 đã đưa cho Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) để nhờ xin việc cho con bà T5, còn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) ông M1 giữ lại, tiêu xài cá nhân. Việc giao nhận tiền giữa các bên không có chứng từ gì.

Đến ngày 04/6/2017, do quá lâu mà không thấy xin được việc, bà T5 đến nhà ông M1 đòi tiền, thì ông M1 viết “Giấy hẹn” có nội dung là có nhận của bà T5 100 triệu đồng và hẹn đến 01/8/2017 sẽ trả.

Do không xin được việc như hứa hẹn và không trả lại tiền nên ngày 18/12/2017, ông Nguyễn Thành B và bà Ngô Thị T5 đã có đơn khởi kiện ông Nguyễn Đình M1 đến Tòa án nhân dân thành phố P. Đến ngày 04/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố P đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 02/2019 ngày 04/01/2019 theo yêu cầu xin rút đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành B và bà Ngô Thị T5 để chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Gia Lai xử lý, giải quyết.

Bà T5 yêu cầu ông M1 phải hoàn trả lại 100 triệu đồng.

Vụ thứ 10: Trường hợp của ông Vương Văn H (*Sinh năm 1966, trú thành phố P, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Do có quen biết từ trước nên tháng 4/2016, ông Vương Văn H đã nhờ ông Nguyễn Đình M1 xin chuyển công tác cho vợ là bà Đàm Thị N, giáo viên trường

Tiểu học xã B, huyện C về thành phố P. Ông M1 nói đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để ông M1 nhờ xin chuyển công tác, nếu không được thì trả lại nên ông Hương đồng ý.

Ngày 24/4/2016, ông Vương Văn H đã đưa cho ông M1 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Ông M1 viết và ký vào mẫu Giấy vay tiền 100 triệu đồng trong vòng 6 tháng. Sau khi nhận tiền, ông M1 đưa cho Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) để nhờ xin chuyển công tác cho vợ ông H. Còn 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), ông M1 giữ lại tiêu xài cá nhân.

Do không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền nên ngày 14/01/2019, ông Vương Văn H đã có đơn tố cáo Nguyễn Đình M1 và các đối tượng đến Cơ quan điều tra, đề nghị điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông M1 hoàn trả 100 triệu đồng.

Ông M1 khai: Các lần đưa tiền ông M1 đều đưa cho Đ cầm, có G biết. Do việc ông Nguyễn Đình M1 đưa cho Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G tổng số tiền 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*) để xin việc theo thỏa thuận với bà Trần Thị H, Ngô Thị T5 và ông Vương Văn H nhưng không có giấy tờ gì nên ngày 20/9/2016, ông Nguyễn Đình M1 viết “Giấy vay tiền” có nội dung Trần Trường G và Nguyễn Thanh M có nhận của ông Nguyễn Đình M1 số tiền 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*) để xin việc”. Thì Trần Trường G đã ký xác nhận vào mục “Người nhận tiền”.

Sau khi không thấy Đ và G xin được việc thì ông M1 nhắn tin hỏi Đ thì trong khoảng thời gian từ 16/01- 26/3/2017, Đ đã nhắn tin từ số điện thoại 0120859685 mà Đ thường sử dụng vào điện thoại ông M1 là 55 tin nhắn, có các nội dung: Lấy hết tiền luôn để họ ra quyết định, nói nộp đơn phúc khảo, lãnh đạo duyệt rồi, qua Tết có kết quả, để cuối giờ tôi trao đổi với mấy A có gì tôi báo lại, để tôi tác động.... Ông M1 đã giao nộp chiếc điện thoại còn lưu giữ các tin nhắn này cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, ghi nhận nội dung các tin nhắn này thành biên bản.

Trần Trường G thừa nhận lời khai của ông M1 là đúng. Tuy nhiên, Nguyễn Đức Đ chỉ thừa nhận là chỉ quen biết với ông M1 thông qua G, có gặp nhau 6-7 lần uống cà phê hoặc đi nhậu, nhưng không có việc hứa hẹn xin việc và nhận tiền của ông M1.

Như vậy, thông qua ông Nguyễn Đức M1, Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G đã nhận tiền của 03 trường hợp nêu trên tổng cộng là 310 triệu đồng, đã trả lại 40 triệu đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 290 triệu đồng đến nay chưa trả. Đối với ông M1, đã chiếm dụng của những người bị hại này 40 triệu, đã trả lại 20 triệu, hiện còn chiếm dụng của các cá nhân trên với số tiền là 20 triệu đồng đến nay chưa trả.

Vụ thứ 11: Trường hợp của ông Trần Đức P (*Sinh năm: 1971, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 38.000.000đ (*Ba mươi tám triệu đồng*).

Trần Trường G có quan hệ họ hàng con chú-bác với ông Trần Đức P. Khoảng tháng 5/2015, G đến nhà ông Trần Đức P chơi được ông P cho biết có con

học Trung cấp y Huế mới ra trường muốn xin vào Bệnh viện Nhi tỉnh thì G nói để G lo cho, chi phí xin việc là 130.000.000đ, ông P đồng ý.

Đến giữa tháng 9/2015, ông Trần Đức P đưa cho Trần Trường G 38.000.000đ (*Ba mươi tám triệu đồng*). Sau đó, Trần Trường G khai G đưa cho Nguyễn Đức Đ 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), G giữ lại 8.000.00đ (*Tám triệu đồng*) tiêu xài hết. (Việc giao, nhận tiền giữa các bên không có chứng từ, tài liệu gì). Khi không thấy G xin được việc, ông P đòi lại tiền thì G dẫn ông P đến nhà Nguyễn Đức Đ để làm tin.

Do thời gian quá lâu không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền nên ngày 25/12/2018, ông Trần Đức P đề nghị Cơ quan điều tra, làm rõ hành vi lừa đảo của Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ và xử lý theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt. G thừa nhận nhưng Đ không thừa nhận.

Vụ thứ 12: Trường hợp của ông Ngô Thiện T3 (*Sinh năm: 1953, trú tại tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Do có quan hệ quen biết từ trước nên tháng 9/2015, ông Ngô Thiện T3 đặt vấn đề nhờ Trần Trường G xin việc cho con trai là Ngô Thiện T5 vào ngành xây dựng tại Gia Lai thì G nói có quen ông M, làm việc tại Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Gia Lai xin được việc làm cho con ông T3. Sau đó, ông T3 được G đưa đến gặp Nguyễn Đức Đ. Đ nói: “Việc của con chú thì tôi sắp xếp được, trong vòng 01 tháng cháu sẽ đi làm”; giá xin việc là số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), đưa trước 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), tin tưởng là thật nên ông T3 đồng ý. Sau đó, Trần Trường G đến nhà ông T3 lấy trước số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Đến ngày 24/9/2015, ông Ngô Thiện T3 gặp Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ tại quán L (thành phố P, tỉnh Gia Lai). Tại đây, ông T3 đã đưa cho G thêm số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), G viết thành giấy vay tiền số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) đưa cho ông T3 giữ rồi đưa số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) mới nhận được cho Nguyễn Đức Đ. Sau đó, ông T3, G và Đ còn gặp nhau nhiều lần uống cà phê, ăn nhậu để đôn đốc xin việc.

Do Trần Trường G, Nguyễn Đức Đ không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền nên ngày 06/9/2017, ông Ngô Thiện T3 đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra và giao nộp: 01 (Một) “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 24/9/2015 và yêu cầu G và Đ hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Trần Trường G thừa nhận như bị hại khai, G khai số tiền 80 triệu đồng của ông T3, G đưa cho Đ 70 triệu đồng và giữ lại 10 triệu đồng tiêu xài. Nguyễn Đức Đ thừa nhận có đi ăn nhậu, đi uống cà phê với G và ông T3, nhưng không thừa nhận hành vi hứa hẹn và nhận tiền để xin việc.

Vụ thứ 13: Trường hợp của ông Phạm Văn K (*Sinh năm: 1962, trú tại: thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*):

Ông Phạm Văn K và ông Ngô Thiện T3 là anh em họ hàng phía vợ ông K. Khoảng tháng 10/2015, thông qua ông Ngô Thiện T3 giới thiệu nên ông Phạm Văn K đã gặp Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ để nhờ xin cho con trai ông K là Phạm Việt H đang đi lính nghĩa vụ quân sự, đóng quân trên địa bàn huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai được vào trường Trung cấp quân y. Trần Trường G hứa hẹn xin được việc với chi phí 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), đưa trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Ông K đồng ý.

Ngày 03/10/2015, ông Phạm Văn K cùng Ngô Thiện T3 đến gặp Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ tại quán lẩu dê ở phường T5, thành phố P. Tại đây, ông T3 nói ông K đưa tiền cho anh M (tức Đ) đi, nhưng G nói thôi chuyện tế nhị, để G nhận cho, thì ông K đưa cho Trần Trường G 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) trước mặt ông T3 và Đ, G viết, ký nhận “Giấy vay tiền” rồi đưa cho ông K giữ.

Đến ngày 09/10/2015 và ngày 16/05/2016, ông Phạm Văn K tiếp tục chuyển vào tài khoản số 5000.205.212.773 do Trần Trường G mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Gia Lai tổng số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) (BL số 194: CV của ngân hàng). Vài ngày sau, ông K tiếp tục chuyển khoản qua thẻ ATM cho G thêm chuyển tiếp số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng không có chứng từ gì. Ông K khai, do Đ điện thoại đưa ra nhiều lý do hứa hẹn và nói phải chuyển tiền thì mới xin được việc nên ông chuyển nhiều lần như vậy.

Sau khi nhận tiền, Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ không xin việc như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền. Ngày 26/12/2018, ông Phạm Văn K đề nghị Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xử lý Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hoàn trả lại tiền chiếm đoạt cho ông.

Trần Trường G thừa nhận như bị hại khai, G khai G đã đưa hết số tiền 150 triệu đồng này cho Đ, nhưng Đ không thừa nhận.

Vụ thứ 14: Trường hợp của bà Nguyễn Thị H1 (*Sinh năm: 1963, trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*):

Khoảng tháng 10/2015, thông qua ông Ngô Thiện T3 (là thông gia với bà H1) giới thiệu nên bà Nguyễn Thị H1 gặp Trần Trường G, được G giới thiệu quen ông M bên Tỉnh uỷ Gia Lai sẽ xin được cho con bà là Lê Sĩ T5 vào biên chế giáo viên, dạy môn thể dục tại huyện Đ, chi phí là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), đưa trước 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), do tin tưởng là thật nên bà H1 đồng ý.

Ngày 28/10/2015, tại quán L (đường Trường Chinh, Tp P), bà H1 hỏi lại xin việc cho con bà có được không thì G khẳng định được, Đ cũng nói đến ngày 30/12/2015 sẽ có quyết định, lúc đó giao đủ tiền rồi nhận quyết định thì bà H1 đã giao cho Trần Trường G số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), G đưa lại tiền cho Nguyễn Đức Đ rồi G viết, ký “Giấy vay tiền” hạn 30/12/2015 trả, có ông Ngô Thiện T3 ký làm chứng, rồi đưa cho bà H1 giữ. Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng

không xin việc, thì ngày 05/6/2017, G có viết Giấy cam kết hẹn 01/8/2017 không xin được việc thì trả lại tiền.

Do Trần Trường G, Nguyễn Đức Đ không xin được việc như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền, nên ngày 06/9/2017, bà Nguyễn Thị H1 đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra, yêu cầu G và Đ hoàn trả số tiền chiếm đoạt và giao nộp: 01 (Một) “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 28/10/2015 và 01 (Một) “Giấy cam kết” đề ngày 5/6/2017.

G thừa nhận nhưng Đ không thừa nhận. Đ chỉ thừa nhận có đi nhận với bà H1, ông T3 do được G mời chứ không nhận tiền của bà H1.

Vụ thứ 15: Trường hợp của bà Đinh Thị H2 (*Sinh năm: 1968, trú tại: Tổ 7, phường Yên Thế, thành phố P*) bị chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*):

Đầu tháng 11/2016, thông qua bà Nguyễn Thị H1 (*trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai cũng là bị hại trong vụ án này*) giới thiệu nên bà Đinh Thị H2 gặp Trần Trường G để đặt vấn đề xin việc cho con gái là Phùng Thị P vào giáo viên trường mầm non thành phố P. G hứa xin được việc với số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), yêu cầu đưa trước một nửa, tin là thật nên bà H1 đồng ý.

Ngày 03/11/2016, bà Đinh Thị H2 cùng bà Nguyễn Thị H1 gặp Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ tại nhà hàng T5, thành phố P. Tại đây, Trần Trường G giới thiệu Đ tên M đang làm việc bên Tỉnh uỷ, là người đang lo xin việc cho con bà H1. Do tin tưởng nên bà H1 đã đưa cho Trần Trường G số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), G đã giao số tiền trên cho Nguyễn Đức Đ (M), rồi G ký vào Giấy vay tiền rồi đưa cho bà H1 giữ. Sau khi nhận tiền G và Đ không xin việc như hứa hẹn, bà H1 nhiều lần đòi lại tiền thì G viết “Giấy cam kết” ghi ngày 03/7/2017 thể hiện nội dung hẹn ngày 01/8/2017 thì xin đợt 2, không được thì trả tiền.. Ngoài ra, trong 1 lần đến nhà Nguyễn Đức Đ đòi lại tiền, bà H1 đã dùng điện thoại chụp ảnh Đ và giao nộp cho Cơ quan điều tra và tấm ảnh này được nhiều bị hại nhận dạng người trong ảnh chính là Nguyễn Thanh M hứa hẹn xin việc và nhận tiền của họ.

Tuy nhiên, đến nay Trần Trường G, Nguyễn Đức Đ không xin được việc như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền. Ngày 06/9/2017, bà Đinh Thị H2 đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt.

Trần Trường G thừa nhận nhưng Nguyễn Đức Đ không thừa nhận, Đ khai không biết bà H1

Vụ thứ 16 Trường hợp của ông Đinh Quang P (*Sinh năm: 1980, trú tại: thị trấn I, huyện I*) bị chiếm đoạt số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*):

Tháng 8/2016, thông qua quan hệ xã hội, ông Đinh Quang P gặp Nguyễn Đức Đ. Khi nghe Nguyễn Đức Đ giới thiệu tên là Nguyễn Thanh M- đang làm phó Phòng giáo dục đào tạo thành phố P thì ông P đặt vấn đề xin cho vợ là bà Đinh Thị Lan vào biên chế hệ giáo dục mầm non tại thành phố P. Nguyễn Đức Đ đồng ý,

yêu cầu chi phí là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), đưa trước 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Do tin tưởng là thật nên ông P đồng ý.

Ngày 09/10/2018, ông P đã đưa cho Nguyễn Đức Đ số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Nguyễn Đức Đ đã nhận tiền rồi viết “Giấy vay tiền” đề ngày 09/10/2016 ký tên Nguyễn Thanh M đưa cho ông P giữ và hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ có Quyết định tuyển dụng, nếu không sẽ trả lại tiền. Sau đó, tuy không xin được việc, nhưng Đ vẫn hứa hẹn và ông P vẫn tin tưởng. Đến khi ông P đọc báo biết thông tin Nguyễn Thanh M tên thật là Nguyễn Đức Đ, tự xưng là phó phòng giáo dục Tp P để lừa đảo xin việc chiếm đoạt tiền của nhiều người thì ông P mới biết.

Ngày 09/8/2018, ông Đinh Quang P có đơn tố cáo Nguyễn Đức Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra và giao nộp: 01 (Một) “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 09/10/2016. Kết quả giám định xác định chữ ký và chữ viết trên giấy này là của Nguyễn Đức Đ.

Ngoài ra, ông P còn giao nộp cho Cơ quan điều tra 07 tờ giấy thể hiện nội dung tin nhắn giữa ông P và Đ từ ngày 09/11/2017- 24/02/2018 về nội dung hỏi kết quả và hứa hẹn kết quả xin việc mà ông P đã lưu lại và in ra (*BL số 388-394*).

Nguyễn Đức Đ thừa nhận chỉ có vay tiền chứ không phải nhận tiền xin việc. Đối với nội dung các tin nhắn thì Đ không có ý kiến gì.

Vụ thứ 17: Trường hợp của ông Nguyễn Dương P1 (*Sinh năm 1965, trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 165.000.000đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Khoảng tháng 7/2016, được ông Bùi Xuân N2 (*Sinh năm: 1983, trú tại: thị xã A, tỉnh Gia Lai*) giới thiệu ông Nguyễn Dương P1 đang có nhu cầu xin việc làm cho con nên Trần Trường G đã điện thoại cho ông P1, nói muốn xin được việc làm cho con thì lên gặp G. Đến tháng 9/2016, ông Nguyễn Dương P1 lên thành phố P gặp Trần Trường G để hỏi xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Mỹ D vào Bệnh viện huyện K. G nói xin được việc với số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), đưa trước 75.000.000đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), tin tưởng là thật nên ông P1 đồng ý. Ông P1 có 03 lần giao tiền để xin việc cho con và cháu như sau:

- Ngày 15/11/2016, ông P1 đã đưa cho G số tiền 75.0000.000đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) để xin việc cho con như trên. G viết “Giấy vay tiền” có nội dung: số tiền trên đến năm 2017 không xin được tôi xin trả lại rồi đưa cho ông P1 giữ.

- Ngày 27/12/2016, ông P1 lên nhà đưa cho Trần Trường G số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để nhờ xin việc cho cháu của ông là Phan Kim T5 vào biên chế giáo viên mầm non huyện K. Ông P1 viết “Giấy biên nhận” có nội dung Trần Trường G mượn của ông P1 40 triệu để lo việc cho cháu rồi G ký và viết tên Trần Trường G dưới mục Người mượn tiền rồi đưa đưa giấy này cho ông P1 giữ.

- Ngày 04/02/2017, ông P1 và vợ là Lưu Thị A đến quán nước mía trên đường C, thành phố P gặp G thì G dẫn vợ chồng ông P1 đến quán cà phê V để gặp Nguyễn Đức Đ. Tại đây G giới thiệu Đ là anh M, làm việc ở Sở Nội vụ, là người xin việc cho con và cháu của ông P1 rồi G đưa cho G số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) mà ông P1 vừa đưa cho G để nhờ xin việc cho cháu của ông là Đào Thị Thanh H vào biên chế giáo viên mầm non huyện K. Tương tự như trên, ông P1 viết Giấy biên nhận nội dung G mượn 50 triệu đồng để xin việc cho Đào Thị Thanh Hằng và G ký và viết tên Trần Trường G dưới mục người mượn tiền tại “Giấy biên nhận” đưa cho ông P1 giữ. Tại đây, G cũng giới thiệu với Đ là: “Đây là bố mẹ của con D”. Ông P1 nói với Đ “Tôi nhờ anh giúp đỡ” thì Đ nói “cứ yên tâm làm việc liên hệ với G” rồi Đ ra về.

Tuy nhiên, sau đó Trần Trường G không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không hoàn trả lại tiền nên ngày 05/9/2017, ông Nguyễn Dương P1 đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả tiền 165 triệu đồng.

Trần Trường G thừa nhận như bị hại khai, G khai số tiền nhận của ông P1, G đưa lại cho Đ 160 triệu đồng, G chỉ giữ lại 5 triệu đồng lần nhận tiền thứ nhất, nhưng 02 lần giao tiền cho Đ không có chứng từ, không có ai làm chứng. Còn Nguyễn Đức Đ phủ nhận hoàn toàn, Đ khai chưa gặp vợ chồng ông P1 lần nào, không hứa hẹn xin việc, không nhận tiền.

Vụ thứ 18. Trường hợp của bà Lưu Thị T4 (*Sinh năm: 1971, trú tại: huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*)

Tháng 9/2016, thông qua Nguyễn Dương P1 (*là em rể*) giới thiệu nên bà Lưu Thị T4 đã gặp Trần Trường G để hỏi xin việc cho con gái là Tường Thị H vào biên chế giáo viên mầm non tại huyện K. G nói xin được việc với số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), đưa trước 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), hẹn sau khi nhận quyết định (tháng 11/2016), đưa hết số tiền còn lại, tin tưởng là thật nên Bà T4 đồng ý.

Ngày 27/9/2016, bà Lưu Thị T4 đã đưa cho G số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), G ký nhận vào “Giấy vay tiền” đưa cho Bà T4 giữ.

Tuy nhiên, sau đó Trần Trường G không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền cho Bà T4. G nói số tiền đã đưa cho M để xin việc nhưng Bà T4 không biết M là ai. Ngày 15/9/2017, bà Lưu Thị T4 đã có đơn tố cáo Trần Trường G có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra và yêu cầu G hoàn trả số tiền chiếm đoạt.

G thừa nhận như lời Bà T4 khai. G khai số tiền này G đưa lại toàn bộ cho Đ nhưng không có chứng từ, không có ai chứng kiến.

Vụ thứ 19: Trường hợp của bà Lê Thị T5 (*Sinh năm: 1986, trú tại thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*)

Tháng 12/2016, được ông Nguyễn Dương P1 giới thiệu nên bà Lê Thị T5 cùng chồng là Đoàn Đức N gọi điện thoại cho Trần Trường G để hỏi xin cho Bà

T5 vào làm Kế toán tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thì G nói Ủy ban nhân dân xã Đ đang còn thiếu biên chế, hứa xin được việc cho Bà T5 với số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), yêu cầu đưa trước 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), sau khi có quyết định tuyển dụng sẽ đưa hết số tiền còn lại, tin tưởng là thật nên vợ chồng Bà T5 đồng ý.

Ngày 05/12/2016, ông Đoàn Đức N cùng ông Nguyễn Dương P đến Tp P đưa cho Trần Trường G số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), G ký nhận vào “Giấy vay tiền” có nội dung là để lo việc cho Lê Thị T5 rồi đưa cho ông N giữ.

Tuy nhiên, đến nay Trần Trường G không xin được việc và cũng không trả lại tiền nên ngày 18/01/2018, bà Lê Thị T5 đã có đơn tố cáo Trần Trường G có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt.

Trần Trường G thừa nhận và khai số tiền này đã đưa lại toàn bộ cho Đ nhưng không có chứng từ và người chứng kiến. Đ không thừa nhận.

Vụ thứ 20: Trường hợp của ông K (*Sinh năm: 1981, trú tại: huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*)

Tháng 10/2016, KQ (*em ruột của ông K*) được ông P (*trú tại khu thu nhập thấp tỉnh Gia Lai*) nói là thấy ông Trần Trường G là hàng xóm của P đang nhận hồ sơ, lo xin việc cho nhiều người nên KQ đã xin số điện thoại của G để liên hệ, đặt vấn đề xin việc, thi đậu công chức giáo viên năm 2017 cho em gái là L. Qua trao đổi, G nói sẽ xin được việc với số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), đưa trước 60 - 70%, đồng ý thì lên thành phố P gặp G.

Ngày 25/10/2016, ông K cùng ông K lên thành phố P gặp G. Lúc này, G giới thiệu G chỉ làm bảo vệ thôi, nhưng G có quen biết ông M (Đ) làm ở Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai, hứa hẹn sẽ xin được việc cho L. Tin tưởng là thật nên K đã đưa cho G số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) G ký vào “Giấy vay tiền” do K viết, có nội dung: G nhận tiền để lo cho Ksor Hluy, nếu không lo được phải trả lại tiền rồi đưa cho K giữ.

Tuy nhiên, sau đó Trần Trường G không xin được việc như đã hứa, sau nhiều lần hứa hẹn không có kết quả thì G nói với ông KQ là tiền đã giao hết cho M (Đ) rồi nên ngày 21/4/2018, ông K đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt.

Trần Trường G thừa nhận và khai là đã đưa lại toàn bộ số tiền trên cho Đ nhưng không có chứng từ, không có ai chứng kiến; tuy nhiên Đ phủ nhận hoàn toàn. Đ khai không biết gì về những người xin việc, không nhận tiền.

Vụ thứ 21: Trường hợp của ông N (*Sinh năm: 1985, trú tại: huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*)

Cuối tháng 10/2016, ông N đi cùng anh vợ là ông K lên thành phố P mời Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ đến quán 61 N nhậu để đôn đốc chuyện xin việc cho L như trên. Quá trình ngồi nhậu ông K hỏi Đ là “Chú làm bên sở nội vụ hả” thì

Đ nói “Phải”. Ông KQ nói “Nhờ chú quan tâm lo cho em cháu” thì Đ nói “Cứ yên tâm, đưa số báo danh và địa điểm thi cho G, G đưa cho tôi thì tôi sẽ đưa cho giám đốc sở”. Tại đây, ông N bi

ết được anh vợ là K đang nhờ Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ xin thi đậu công chức giáo viên cho L nên ông N đã đặt vấn đề với Đ lo cho em gái là D thi đậu công chức giáo viên tiểu học tại huyện CH. Nguyễn Đức Đ đồng ý và nói gắp G thỏa thuận và giao tiền. G nói chi phí xin việc là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) yêu cầu đưa trước 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), Ông N đồng ý.

Ngày 30/12/2016, ông N và ông K đến thành phố P đưa cho G 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), ông KQ viết “Giấy vay tiền” có nội dung G vay của ông N 50 triệu đồng để lo việc cho D và G ký vào đưa cho N giữ.

Đến tháng 4/2017, G yêu cầu đưa thêm 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để phúc khảo thi công chức. Ông N giao cho G 10 triệu và G ký vào Giấy nhận tiền. Tổng cộng ông N đã đưa cho G số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

Tuy nhiên, đến nay Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ không xin được việc và cũng không trả lại tiền nên ngày 21/4/2018, ông N đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt là 60 triệu đồng.

Trần Trường G thừa nhận và khai là đã đưa lại toàn bộ số tiền trên cho Đ nhưng không có chứng từ, không có ai chứng kiến; tuy nhiên Đ phủ nhận hoàn toàn. Đ khai không biết gì về những người xin việc, không nhận tiền.

Vụ thứ 22: Trường hợp của ông Lê Sĩ K1 (*Sinh năm: 1964, trú tại: Tổ 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai*) bị chiếm đoạt số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

Qua ông Nguyễn Dương P1 giới thiệu nên ngày 24/01/2017, ông Lê Sĩ K1 cùng ông P1 lên nhà Trần Trường G để hỏi xin việc vào biên chế giáo dục tiểu học tại huyện K cho con gái là Lê Thị H. Tại đây, G nói xin được việc với số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Ông K1 nói 120 triệu thì không có khả năng, 100 triệu đồng thì ông mới lo được thì G đồng ý với giá 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Ngày 24/11/2016, Ông K1 đến nhà G đưa số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), Ông K1 viết “Giấy vay tiền” có nội dung G vay 30 triệu đồng để lo việc cho con Ông K1, có ông Nguyễn Dương P1 ký làm chứng và G ký nhận rồi đưa cho Ông K1 giữ.

Tuy nhiên, sau đó Trần Trường G không xin được việc làm như hứa hẹn và cũng không trả lại tiền cho ông Lê Sĩ K1. Ngày 05/9/2017, Ông K1 đã có đơn tố cáo Trần Trường G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi Cơ quan điều tra và yêu cầu hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt.

G thừa nhận và khai là đã giao hết tiền cho Đ, không có chứng từ giao, không có ai chứng kiến. Đ không thừa nhận.

Vụ thứ 23: Trường hợp của ông Dương Văn V (Sinh năm: 1963, trú tại: tỉnh Gia Lai) bị chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Tháng 12/2016, thông qua ông Bùi Xuân N2 (Sinh năm: 1983, trú tại: thị xã A, tỉnh Gia Lai) giới thiệu nên Trần Trường G đã điện thoại cho bà Dương Thị T5 (là con gái ông Dương Văn V), nói muốn thi đậu công chức thì lên gặp G tại thành phố P. Ông V điện thoại hỏi thì được G giới thiệu có người quen làm ở Sở Nội vụ, sẽ lo thẳng vào giáo viên, chi phí là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), đưa trước 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tin tưởng là thật nên Ông V đồng ý, đã đưa cho G số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 11/3/2017, sau khi có kết quả thi, con Ông V không đậu, Ông V lên thành phố P gặp G để hỏi sao con ông không đậu như G hứa hẹn, thì G nói đợt đầu khó, sẽ xét bổ sung, về chuẩn bị thêm tiền để nộp phúc khảo. Đồng thời, G đã viết giấy “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đối với số tiền Ông V đưa 20 triệu đồng lần đầu tiên và đề ngày 11/3/2017 giao cho Ông V cất giữ. Lúc này G gọi và đưa máy điện thoại cho một người xưng là M, M nói với Ông V “cứ đưa tiền cho G, chúng tôi sẽ lo được cho con anh 100%, anh không lo”.

Ngày 20/3/2017, Ông V lên thành phố P đưa thêm cho Trần Trường G 30.000.000đ. G ký nhận “Giấy vay tiền” đưa cho Ông V giữ.

Đến ngày 02/4/2017, G đến nhà Ông V (xã S, huyện P), yêu cầu đưa thêm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để lo xét tuyển bổ sung đợt 2, G ký nhận vào giấy “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đưa cho Ông V giữ. Tổng số tiền G đã nhận của Ông V là 70.000.000đ.

Ngày 02/8/2017, sau khi không lo cho con Ông V như hứa hẹn, Ông V nhiều lần đòi tiền thì Trần Trường G viết cam kết phía sau tờ giấy vay tiền ngày 02/4/2017 nội dung G cam kết với Ông V nếu hết ngày 06/8/2017 mà không xin được việc cho con Ông V thì G trả lại tiền đã nhận.

Ngày 05/9/2017, ông Dương Văn V đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt.

Trần Trường G thừa nhận và khai là đã đưa cho Đ số tiền 70 triệu này nhưng không có chứng từ, không có người chứng kiến. Nguyễn Đức Đ không thừa nhận.

Vụ thứ 24. Trường hợp của ông Nguyễn Văn T5 (Sinh năm: 1990, trú tại: tỉnh Gia Lai) bị chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Tháng 3/2017, trong thời gian ông Dương Văn V liên lạc với Trần Trường G để chờ xin việc cho con, thì G có nói với Ông V là có 02 chỉ tiêu dành cho Đại học luật làm việc tại Viện Kiểm sát và Tòa án huyện, Ông V có biết ai có nhu cầu xin việc thì giới thiệu để G giúp cho. Tin là thật, Ông V đã nói với cháu rể là Nguyễn Văn T5 là ông quen biết với Trần Trường G có khả năng xin được việc làm cho vợ Ông T5 là bà Phạm Thị H vào Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Ông T5 nhờ Ông V đưa Ông T5 đến gặp G. G nói nếu xin vào Viện Kiểm sát huyện P để được gần nhà thì phải chi phí số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm

mười triệu đồng), đưa trước cho G 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), Ông T5 đồng ý.

Ngày 18/3/2017, ông Nguyễn Văn T5 cùng ông Dương Văn V lên gặp Trần Trường G tại quán trà C; địa chỉ: 20 L- thành phố P. Tại đây, T5 đã đưa cho G số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). G ký vào giấy “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đưa cho Ông T5 giữ. Sau đó, G điện thoại gọi Nguyễn Đức Đ đến và giới thiệu “Đây là sếp M, là người lo việc cho vợ T5” rồi G đưa cho Đ túi hồ sơ và tiền mà Ông T5 vừa đưa cho G. Đ nói “Cứ yên tâm làm việc với chú G” rồi Đ nói đang tiếp đoàn Thanh tra cấp trên nên Đ ra về. Thời gian sau đó, Ông V, Ông T5 và G có đi nhậu tại quán L 1 lần nữa để đôn đốc xin việc, G có điện thoại cho Đ ra, Đ có ra 1 lát rồi nói bận và ra về.

Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng không xin việc như đã hứa và cũng không trả lại tiền nên ngày 05/9/2017, ông Nguyễn Văn T5 đã có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu hoàn trả số tiền chiếm đoạt. G thừa nhận lời khai bị hại là đúng và G khai đã đưa số tiền 50 triệu đồng cho Đ. Nguyễn Đức Đ phủ nhận hoàn toàn.

Ngoài ra, quá trình điều tra, ông Mai Văn K (Sinh năm: 1966, trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn I, huyện I) có đơn tố giác Nguyễn Đức Đ lừa đảo chiếm đoạt 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngoài lời khai thì ông Mai Văn K không có tài liệu, chứng cứ gì khác. Nguyễn Đức Đ cũng không thừa nhận việc nhận tiền như nội dung đơn ông K tố giác. Do vậy, không đủ căn cứ để chứng minh và xử lý.

Sau khi nhận tiền, hứa hẹn xin việc cho 24 trường hợp nêu trên với thời gian quá dài nhưng không xin việc như hứa hẹn, thì những người bị hại, người liên quan (ông Nguyễn Đức M1) liên tục đòi tiền, thì G đưa họ đến gặp Đ. Bản thân Đ cũng hứa hẹn, khát dần, lảng tránh. Nên các bị hại có đơn tố cáo Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ. Bản thân G trong khoảng thời gian từ ngày 14/7/2017 → 23/8/2017 cũng thường xuyên gặp Đ, gọi điện cho Đ qua số điện thoại 01208597685 mà Đ sử dụng và G ghi âm nội dung nói chuyện giữa G và Đ rồi nộp cho Cơ quan điều tra và tố cáo Đ.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Đức Đ khai:

Đ quen biết với Trần Trường G từ khoảng tháng 7/2014. Đến năm 2016, thông qua Trần Trường G thì biết ông Ngô Thiện T3 và ông Nguyễn Đình M1. Đ lên mạng Internet đọc báo và vào các trang Web của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai xem các thông tin về chỉ tiêu, quy trình tuyển sinh, tuyển dụng xét tuyển, thi tuyển, luân chuyển công chức, viên chức... rồi đưa thông tin cho Trần Trường G biết để G hướng dẫn cho các cá nhân ở vùng sâu vùng xa có nhu cầu xin việc để họ tự làm hồ sơ, tự xin việc. Nếu ai cho tiền thì nhận, không thì thôi, Đ không đặt ra giá cả xin việc, không nhận tiền như G và các bị hại khai. Việc nhận tiền của các cá nhân và hứa hẹn xin việc như thế nào là do G tự thực hiện, Đ không biết. Đ được G cho 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng) khi hướng dẫn cho 11 cá nhân nộp hồ sơ xét tuyển, thi tuyển công chức, viên chức. Đ chỉ thừa nhận có nhận của bị hại

Nguyễn Thị M số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) theo yêu cầu của Trần Trường G để lo xin việc cho con bà M như trên. Ngoài ra, Đ có nhận tiền của ông Đinh Quang P nhưng chỉ là vay tiền như Đ đã viết Giấy vay tiền, không phải nhận để hứa hẹn xin việc.

Đ không thừa nhận giọng nói của Đ theo nội dung giám định, vì Đ cho rằng số điện thoại đó không phải của Đ, Đ không nói chuyện điện thoại với G.

Bà Đinh Thị N (*sinh năm 1980, trú tại TP P, tỉnh Gia Lai*) là chủ thuê bao số điện thoại 0120.859.7685 khai: bà N đã đăng ký số điện thoại này vào ngày 11/3/2016. Bà N quen biết với M (*sau này biết tên thật là Đ*) từ năm 2006 và có nhiều lần đi nhậu cùng. Vào cuối năm 2016, Đ xin sim số điện thoại 0120.859.7685 thì bà N đồng ý cho Đ vì bà N có 2 sim điện thoại. Qua Đ, bà N còn biết Trần Trường G.

Trần Trường G khai nhận:

Năm 2014, thông qua bà Trần Thị H (*trú tại thị trấn Đ, huyện Đ*) giới thiệu nên Trần Trường G tự làm quen với Nguyễn Đức Đ (M) mục đích để bàn bạc, thỏa thuận nhận hồ sơ, tiền xin việc vào công chức, viên chức, giáo viên, y tế... cho các cá nhân để được hưởng tiền chênh lệch. G được Đ giới thiệu đang công tác tại Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai, có quen với các Sở- Ban- Ngành, xin được việc cho các cá nhân có nhu cầu xin vào biên chế công chức, viên chức, luân chuyển công tác tại địa bàn tỉnh Gia Lai. Sau khi thống nhất số tiền mỗi trường hợp Đ nhận từ 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) đến 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) thì G thỏa thuận với các cá nhân từ 120.000.000đ đến 170.000.000đ để hưởng tiền chênh lệch. Tin tưởng Đ nên G đã liên hệ tìm người có nhu cầu xin việc và nhận tiền đưa cho Đ và nhằm hưởng lợi.

Quá trình điều tra, đã xác minh về bà Trần Thị H, trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo lời khai của Trần Trường G nhưng chính quyền địa phương không xác định được hiện nay bà Hồng đang ở đâu.

Do việc giao tiền giữa Trần Trường G với Nguyễn Đức Đ không có biên nhận giấy tờ gì chỉ có các bị hại biết, chứng kiến nên từ ngày 14/7/2017 đến ngày 05/9/2017, G đã ghi âm nội dung các cuộc điện thoại giữa Trần Trường G với Nguyễn Đức Đ và 01 cuộc điện thoại giữa Đ với Mai Văn V về việc Đ nhận tiền, hồ sơ hứa hẹn xin việc làm, chuyển công tác cho các cá nhân và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Kết quả giám định:

- Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 14/PC45 ngày 01/12/2017, Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 03/PC02 ngày 06/9/2018 và số 05/PC02, ngày 03/01/2019 về việc giám định chữ viết, chữ ký đối với 28 (Hai mươi tám) tài liệu do người bị hại, người có liên quan và bị can Nguyễn Đức Đ giao nộp.

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai đã ra Kết luận giám định số 27/KLGD, ngày 22/12/2017, số 540/KLGD ngày 25/9/2018 và số 106/KLGD ngày

14/01/2019, kết luận: Chữ viết trên các tài liệu do Vương Đình T5, Nguyễn Văn T2, Phạm Thị Mỹ N, Ngô Thiện T3, Nguyễn Thị H1, Đinh Thị H2, Lê Sỹ Khâm, Dương Văn V, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Dương P1, K, N, Mai Văn V, Phạm Văn K và Tạ Văn T7 giao nộp là chữ viết của Trần Trường G; chữ viết trên tài liệu do ông Vương Đình T5, bà Nguyễn Thị M, ông Đinh Quang P và ông Mai Văn V giao nộp là chữ viết của Nguyễn Đức Đ; không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên các tài liệu trên và chữ viết, chữ ký trên 02 tài liệu do bà Đinh Thị H2 và Nguyễn Thị H1 giao nộp (Có bảng kê tài liệu và kết luận giám định chi tiết kèm theo).

- Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 241/PC45, ngày 09/11/2017 và Quyết định giám định bổ sung số 02/PC45, ngày 04/7/2018 về việc giám định âm thanh (giọng nói) và khai thác các file ghi âm thành văn bản.

Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã ra Kết luận giám định số 5715/C54(P6), ngày 22/12/2017 kết luận: âm thanh (giọng nói) trong các file ghi âm chính là giọng nói của Trần Trường G và Nguyễn Đức Đ(BL số 115-151: Kết luận giám định); Kết luận giám định (bổ sung) số 3738/C54(P6) ngày 09/7/2018 kết luận: Giọng nói trong file ghi âm “call_12-03-57_OUT_ 01208597685.acc” là của G, Đ và Mai Văn V.

Căn cứ kết quả khai thác các file ghi âm đã được dịch thành văn bản thể hiện nội dung các cuộc thoại giữa G và Đ: Nguyễn Đức Đ nhận là cán bộ, đang bận họp uỷ ban nhân dân, hội đồng nhân dân, đang học chính trị cao cấp...Đ nhiều lần hứa hẹn sắp có quyết định tuyển dụng cho các cá nhân, nói người ta lo tiền để nhận quyết định, sẽ vay tiền ngân hàng trả lại cho các bị hại vì tiền nhận của họ đã đưa cho người khác..., Đ hứa với bị hại Mai Văn V là ngày 18 là có, nếu không thì trả lại tiền... (Có bản dịch thành văn bản kèm theo kết luận giám định).

- Các bản kết luận giám định số 27/KLGD 22/12/2017; số 540/KLGD ngày 25/9/2019 và số 106/KLGD ngày 14/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Gia Lai xác định: Các chữ viết Người làm chứng và Nguyễn Thanh M trong Giấy biên nhận do ông Vương Đình T5 cung cấp; chữ viết, chữ ký Nguyễn Thanh M trên tài liệu “ Giấy vay tiền” do ông Đinh Quang P cung cấp và chữ viết trên Giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị M cung cấp – là chữ của Nguyễn Đức Đ . Các chữ viết tại các Giấy biên nhận, Giấy cam kết, Giấy mượn tiền, Giấy vay tiền...do các bị hại cung cấp là chữ của Trần Trường G phù hợp với khai nhận của G.

** Về trách nhiệm dân sự :*

- Quá trình giải quyết tin báo tố giác tội phạm và quá trình điều tra, Nguyễn Đức Đ đã hoàn trả cho bị hại Mai 130 triệu đồng, giao nộp cho Cơ quan điều tra 20 triệu đồng. Trần Trường G đã hoàn trả cho bị hại Hạnh 40 triệu đồng.

- Các bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm bồi thường số tiền của họ bị chiếm đoạt đến nay chưa được trả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Đ (tên gọi khác: Nguyễn Thanh M), Trần Trường G phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt: ngày 28/2/2018.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Trường G 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt: ngày 29/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 288; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử:

3.1. Buộc các bị cáo phải liên đới thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Trả cho ông Vương Đình T5 80 (tám mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 40 triệu đồng, Đ phải trả 40 triệu đồng.

- Trả cho ông Trần Quý T1 80 (tám mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 40 triệu đồng, Đ phải trả 40 triệu đồng.

- Trả cho ông Mai Văn V 100 (một trăm) triệu đồng, trong đó G phải trả 50 triệu đồng, Đ phải trả 50 triệu đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Văn T2 50 (năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 25 triệu đồng, Đ phải trả 25 triệu đồng.

- Trả cho bà Phạm Thị Mỹ N 100 (một trăm) triệu đồng, trong đó G phải trả 50 triệu đồng, Đ phải trả 50 triệu đồng.

- Trả cho ông Trần Đức P 30 (ba mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 15 triệu đồng, Đ phải trả 15 triệu đồng.

- Trả cho ông Ngô Thiện T3 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

- Trả cho ông Phạm Văn K 150 (một trăm năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 75 triệu đồng, Đ phải trả 75 triệu đồng.

- Trả cho bà Nguyễn Thị H1 60 (sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 30 triệu đồng, Đ phải trả 30 triệu đồng.

- Trả cho bà Đinh Thị H2 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Dương P1 160 (một trăm sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 80 triệu đồng, Đ phải trả 80 triệu đồng.

- Trả cho ông N 60 (sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 30 triệu đồng, Đ phải trả 30 triệu đồng.

- Trả cho ông Dương Văn V 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T5 50 (năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 25 triệu đồng, Đ phải trả 25 triệu đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Đình M1 260 (hai trăm sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 130 triệu đồng, Đ phải trả 130 triệu đồng.

- Trả cho ông Tạ Văn T7 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

3.2. Buộc bị cáo Trần Trường G phải:

- Trả cho bà Lưu Thị T4 50 (năm mươi) triệu đồng.

- Trả cho bà Lê Thị T5 40 (bốn mươi) triệu đồng.

- Trả cho ông K 60 (sáu mươi) triệu đồng.

- Trả cho ông Lê Sĩ K1 30 (ba mươi) triệu đồng.

- Trả cho ông Vương Đình T5 10 (mười) triệu đồng.

- Trả cho ông Trần Quý T1 20 (hai mươi) triệu đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Văn T2 05 (năm) triệu đồng.

- Trả cho ông Trần Đức P 08 (tám) triệu đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Dương P1 05 (năm) triệu đồng.

- Trả cho ông Tạ Văn T7 10 (mười) triệu đồng.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Đức Đ phải trả cho ông Đình Quang P 80 (tám mươi) triệu đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về bồi thường thiệt hại của đương sự khác trong vụ án, về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/6/ 2019, bị cáo Trần Trường G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 24/6/2019, bị cáo Nguyễn Đức Đ kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 15 năm tù và buộc liên đới với Trần Trường G bồi thường cho những người bị hại là không đúng; vì giữa bị cáo với các bị hại không quen biết và không có mối quan hệ nào, toàn bộ là do Trần Trường G hứa hẹn và nhận tiền của họ và G cũng không đưa tiền cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ đề nghị Hội đồng xét xử hủy án

sơ thẩm để điều tra lại, vì bị cáo Đ không phải là người chủ mưu trong vụ án và có bỏ lọt tội phạm.

- Bị cáo Nguyễn Đức Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo đúng người, đúng tội.

- Bị cáo Trần Trường G xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ về nội dung cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử lý trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và buộc liên đới với Trần Trường G bồi thường cho những người bị hại là không đúng, nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu; Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các bị hại, biên bản nhận dạng của các bị hại đối với Nguyễn Đức Đ, lời khai của bị cáo Trần Trường G và các file ghi âm do bị cáo G giao nộp thể hiện nội dung trao đổi giữa Đ và G trong việc nói G nhận hồ sơ xin việc làm, chuyển công tác cho các cá nhân, nhận tiền, trả tiền và hứa hẹn sắp có quyết định tuyển dụng, chuyển công tác... đã được Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định và chuyển hóa thành văn bản; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đủ căn cứ kết luận: Vào năm 2014, thông qua người quen, Trần Trường G chủ động gặp và làm quen với Nguyễn Đức Đ để bàn bạc, thỏa thuận việc nhận hồ sơ, nhận tiền xin việc làm, chuyển công tác cho các cá nhân có nhu cầu. Đ và G thống nhất số tiền mỗi trường hợp Đ nhận từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, thì G thỏa thuận với họ từ 120.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng để hưởng tiền chênh lệch.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Trần Trường G đã chủ động điện thoại và trực tiếp gặp các cá nhân có nhu cầu đưa ra thông tin không có thật về Nguyễn Đức Đ; G giới thiệu Đ là cán bộ Sở Nội vụ, Sở y tế, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Phó phòng giáo dục thành phố P... đã xin được việc cho nhiều người, mục đích là để cho các cá nhân tin tưởng giao tiền.

Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2014 đến ngày 02/4/2017, các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G đã chiếm đoạt của 24 người với tổng số tiền là 1.988.000.000 đồng. Do đó, án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trần Trường G, Nguyễn Đức Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bị cáo G đưa cho bị cáo Đ là bao nhiêu. Tuy nhiên căn cứ vào các file ghi âm do bị cáo G giao nộp thể hiện nội dung sau khi nhận tiền, G giữ lại phần tiền chênh lệch, số tiền còn lại G đưa cho Đ; đồng thời thể hiện bị cáo Đ là vai trò chủ mưu. Do đó Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Trần Trường G, Nguyễn Đức Đ liên đới trách nhiệm hoàn trả cho 16 người bị hại với số tiền 1.406.000.000 đồng; buộc bị cáo G hoàn trả cho 10 bị hại số tiền 238.000.000 đồng, bị cáo Đ trả cho bị

hại Đinh Quang P 80.000.000 đồng là có căn cứ, đúng với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ xem xét lại trách nhiệm hình sự và nghĩa vụ bồi thường dân sự là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ về mức hình phạt 15 năm tù là không phù hợp và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Trường G, nhận thấy: Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt gần gấp 4 lần mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố, xét xử. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi lên mức hình phạt đối với các bị cáo, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đ 15 năm tù; và áp dụng các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo G 12 năm tù là phù hợp, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ y án sơ thẩm về mức hình phạt.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự của ông Nguyễn Đình M1, ông Tạ Văn T7; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

* Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/2/2018.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Trường G 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2018.

* Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 288; Điều 357 của Bộ luật dân sự

năm 2015, xử:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đức Đ và Trần Trường G phải liên đới thực hiện các nghĩa vụ sau:

+ Trả cho ông Vương Đình T5 80 (tám mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 40 triệu đồng, Đ phải trả 40 triệu đồng.

+ Trả cho ông Trần Quý T1 80 (tám mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 40 triệu đồng, Đ phải trả 40 triệu đồng.

+ Trả cho ông Mai Văn V 100 (một trăm) triệu đồng, trong đó G phải trả 50 triệu đồng, Đ phải trả 50 triệu đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn T2 50 (năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 25 triệu đồng, Đ phải trả 25 triệu đồng.

+ Trả cho bà Phạm Thị Mỹ N 100 (một trăm) triệu đồng, trong đó G phải trả 50 triệu đồng, Đ phải trả 50 triệu đồng.

+ Trả cho ông Trần Đức P 30 (ba mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 15 triệu đồng, Đ phải trả 15 triệu đồng.

+ Trả cho ông Ngô Thiện T3 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

+ Trả cho ông Phạm Văn K 150 (một trăm năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 75 triệu đồng, Đ phải trả 75 triệu đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị H1 60 (sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 30 triệu đồng, Đ phải trả 30 triệu đồng.

+ Trả cho bà Đinh Thị H2 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Dương P1 160 (một trăm sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 80 triệu đồng, Đ phải trả 80 triệu đồng.

+ Trả cho ông N 60 (sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 30 triệu đồng, Đ phải trả 30 triệu đồng.

+ Trả cho ông Dương Văn V 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn T5 50 (năm mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 25 triệu đồng, Đ phải trả 25 triệu đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Đình M1 260 (hai trăm sáu mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 130 triệu đồng, Đ phải trả 130 triệu đồng.

+ Trả cho ông Tạ Văn T7 70 (bảy mươi) triệu đồng, trong đó G phải trả 35 triệu đồng, Đ phải trả 35 triệu đồng.

- Buộc bị cáo Trần Trường G phải:

+ Trả cho bà Lưu Thị T4 50 (năm mươi) triệu đồng.

- + Trả cho bà Lê Thị T5 40 (bốn mươi) triệu đồng.
- + Trả cho ông K 60 (sáu mươi) triệu đồng.
- + Trả cho ông Lê Sĩ K1 30 (ba mươi) triệu đồng.
- + Trả cho ông Vương Đình T5 10 (mười) triệu đồng.
- + Trả cho ông Trần Quý T1 20 (hai mươi) triệu đồng.
- + Trả cho ông Nguyễn Văn T2 05 (năm) triệu đồng.
- + Trả cho ông Trần Đức P 08 (tám) triệu đồng.
- + Trả cho ông Nguyễn Dương P1 05 (năm) triệu đồng.
- + Trả cho ông Tạ Văn T7 10 (mười) triệu đồng.
- Buộc bị cáo Nguyễn Đức Đ phải trả cho ông Đình Quang P 80 (tám mươi) triệu đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Trần Trường G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự của ông Nguyễn Đình M1, ông Tạ Văn T7; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào